

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Tên mẫu
Name of sample : Máy giặt tự động cửa ngang, không sấy hiệu MIELE.
Model: WWK360 WCS PWash&10kg
Clothes Washing Machine
Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu; tên mẫu và thông tin về mẫu thử do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer; sample name and information were supplied by customer*

Số lượng mẫu
Quantity of sample : 01

Khách hàng
Applicant : CÔNG TY TNHH EUROAPPLIANCES
Số 11 Đường 67 Tổ 5 Khu phố 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mô tả mẫu
Sample description : Xem trang 02-03
See page 02-03

Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/06/2025

Thời gian thử nghiệm
Test period : 09/06/2025 - 10/06/2025

Phương pháp thử
Test method : TCVN 8526:2013
Máy giặt gia dụng – Hiệu suất năng lượng và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng
Clothes washing machines for household use – Energy efficiency and the method for determination of energy efficiency

Điều kiện thử nghiệm
Test conditions : Xem trang 04
See page 04

Kết quả thử nghiệm
Test result : Xem trang 04
See page 04

Kết luận
Conclusion : Hiệu suất năng lượng của mẫu đạt cấp 5/5 theo TCVN 8526:2013
EE Class 5/5 according to TCVN 8526:2013

Thẩm xét/ *Reviewed by*
Trưởng phòng PTN / *Lab. Manager*

Giám đốc / *Director*



VILAS 1341



Nguyễn Hoàng Phúc

Trần Viết Hưng

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng/ bên yêu cầu gửi đến. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Netlab. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. This test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Netlab.*

HÌNH ẢNH MẪU THỬ NGHIỆM/ *PHOTOS OF SAMPLE*



MÔ TẢ MẪU THỬ NGHIỆM/ SAMPLE DESCRIPTION

Mô tả mẫu / Sample description	Ghi nhận / Remark
Nhãn hiệu / Brand name	Miele
Mã / Model	WWK360 WCS Pwash&10kg
Số sê ri / Serial number	-
Nơi sản xuất / Country of manufacture	Đức / Germany
Nhà sản xuất / Manufacturer	Miele & Cie. KG.
Điện áp danh định/ Rated Voltage	220-240 V
Công suất danh định / Rated Power	2,1-2,4 kW
Tần số danh định/ Rated Frequency	50 Hz
Năng suất giặt danh định / Rated Capacity	10,0 kg
Loại / Type	Lồng ngang / Horizontal axis washing machine

Ghi chú / Remarks: - Không công bố / Not Published

Các thông tin kỹ thuật khác được thể hiện trên nhãn máy của sản phẩm ở trang 2

ĐIỀU KIỆN THỬ NGHIỆM/ TEST CONDITIONS

TT/ No	Điều kiện thử nghiệm theo TCVN 8526:2013 / Test condition according to TCVN 8526:2013	Ghi nhận / Remark
1	Nhiệt độ môi trường / Ambient temperature: (23,0 ± 2,0) °C	24,4 °C
2	Điện áp nguồn / Power supply: (220,0 ± 4,4) V	220,0 V
3	Tần số / Frequency: (50,0 ± 0,5) Hz	50,0 Hz
4	Nhiệt độ nước / water temperature: 20 °C ± 2 °C	20 °C ± 1 °C
5	Áp suất nước / water pressure: (240 ± 50) kPa	220 kPa
6	Tải - Theo IEC 60456:2010 / Load - According to IEC 60456:2010	
	- Khối lượng tải thử nghiệm / Test load mass: Năng suất giặt danh định / Rated Capacity ± 60g	10,038 kg
	-Thành phần tải thử nghiệm / Test load component	4 ga giường, 16 vỏ gối, 28 khăn tắm 4 bed sheets, 16 pillowcases, 28 towels
7	Cài đặt chương trình giặt - Theo TCVN 8526:2013 / The program setting for testing - According to TCVN 8526:2013	Algodón (*)

(*) Xem ghi chú ở trang 4 / See notes on page 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Testing results*

TT/ No	Yêu cầu / <i>Requirement</i>	Ghi nhận – Kết quả / <i>Remark - Result</i>
1	Thời gian thử nghiệm / <i>Testing time</i>	Bao gồm ba chu kỳ giặt hoàn chỉnh <i>Including three complete wash cycles</i>
	- Thời gian trung bình của một chu kỳ giặt tương ứng với chương trình giặt được thử nghiệm - Theo TCVN 8526:2013 / <i>Average time of a washing cycle equivalent to the program selected for testing - According to TCVN 8526:2013</i>	166 phút / <i>minute</i>
2	Điện năng tiêu thụ trung bình của 3 lần đo / <i>Average energy consumption of three tests (P)</i>	207,2 Wh
	- Điện năng tiêu thụ lần thử nghiệm thứ nhất / <i>Energy consumption for the first test</i>	199,2 Wh
	- Điện năng tiêu thụ lần thử nghiệm thứ hai / <i>Energy consumption for the second test</i>	210,6 Wh
	- Điện năng tiêu thụ lần thử nghiệm thứ ba / <i>Energy consumption for the third test</i>	211,8 Wh
3	Xác định hiệu suất năng lượng / <i>Determination of energy efficiency</i>	
	- Hiệu suất năng lượng / <i>Energy efficiency (E)</i>	20,7 Wh/kg
	- Cấp hiệu suất năng lượng / <i>Class of energy efficiency</i> ⁽¹⁾	5

Ghi chú / *Remarks:*

- (*) : Nhiệt độ nước của chương trình “Algodón” được cài đặt ở chế độ “frío” như hình ảnh bên dưới. Tốc độ vắt và các thông số khác theo mặc định của nhà sản xuất / *The “Algodón” program is set to “frío” mode as shown in the picture below. The spin speed and other parameters are according to the manufacturer's default.*



- (1) : Cấp hiệu suất năng lượng được đánh giá theo Bảng sau (Mục 4.2 & 4.3 - TCVN 8526:2013) / *Class of energy efficiency is evaluated according to following table (Section 4.2 & 4.3 – TCVN 8526:2013) :*

Cấp hiệu suất	Mức hiệu suất (E), Wh/kg	
	Lồng đứng	Lồng ngang
1	20,0 < E ≤ 23,0	82,0 < E ≤ 90,0
2	17,0 < E ≤ 20,0	72,0 < E ≤ 82,0
3	14,5 < E ≤ 17,0	62,0 < E ≤ 72,0
4	12,0 < E ≤ 14,5	52,0 < E ≤ 62,0
5	E ≤ 12,0	E ≤ 52,0